

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9- 2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

**- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân :*

1. Ông Lưu Danh Sử.
2. Ông Hà Quang Văn.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hứa Công Nguyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐ-HNGĐ ngày 18/9/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991.**

ĐKKH: Thôn Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện ở tại: Thôn V, xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1982.**

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa chị H và anh Q vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 29/10/2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống với nhau tại Thôn Đ, xã Ph, huyện N. Hai vợ chồng chị chỉ sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng và gia đình không hòa hợp nảy sinh nhiều bất đồng, nguyên

nhân chính là do anh Q hay uống rượu say dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xung đột. Hiện chị đã về quê chị tại Thôn V, xã Th, huyện N sinh sống. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Q trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: chị H xác định giữa chị và anh Q có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 13/10/2011 và cháu Nguyễn Mạnh Thsinh ngày 06/4/2013. Hiện cả hai cháu đang ở với anh Quyết. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hà còn cháu Thắng do anh Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của bị đơn Anh Nguyễn Văn Q được thể hiện tại bản khai ngày 26/5/2020 và thể hiện trong các văn bản tố tụng khác:** anh Q thừa nhận thời gian kết hôn và chung sống như chị H trình bày là đúng. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng là do vài lần anh uống rượu về có điều không phải với vợ, chửi bới xúc phạm vợ. chị H đã làm đơn xin ly hôn với anh một lần nhưng sau đó đã rút đơn để đoàn tụ, sau đó vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn và lần này chị H làm đơn xin ly hôn với anh, anh mong muốn tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên hòa giải ngày 27/8/2020 anh Q nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh xác định anh và chị H có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 13/10/2011 và cháu Nguyễn Mạnh Th sinh ngày 06/4/2013. Hiện cả hai cháu đang ở với anh. Nguyên vọng của anh xin nuôi cả hai cháu sau khi anh và chị H ly hôn vì anh cho rằng chị H không có đủ điều kiện để nuôi con. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không có yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của cháu Nguyễn Thị Hồng H thể hiện tại bản tự khai ngày 01/9/2020: Cháu có nguyện vọng được ở với chị H sau khi bố mẹ cháu ly hôn. Còn cháu Nguyễn Mạnh Th có nguyện vọng ở với anh Quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện N với UBND xã Ph, huyện N thì anh Q và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph. Về mâu thuẫn giữa chị H và anh Q là do anh Q hay uống rượu, vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay chị H đã về quê tại xã Th, huyện N sinh sống.

Do quá trình giải quyết các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

\* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

\* Về nội dung giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị H. Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Nguyễn Văn Q.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 13/10/2011 cho chị Hchăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Mạnh Th sinh ngày 06/4/2013 cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: chị H và anh Q đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H có đơn xin xử vắng mặt, anh Q được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[2]. **Về nội dung**: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hòa hợp, và do bản thân anh Q hay uống rượu làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Bản thân các bên cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn nhiều lần và có thời gian chị H đã làm đơn xin ly hôn tại Tòa án và chị rút đơn về để anh Q sửa đổi bản thân. Tuy nhiên sau đó anh Q không sửa đổi và làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không chịu được chị H đã phải bỏ về quê tại xã Th, huyện N sinh sống. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị H với anh Q là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Nguyên vọng của chị H xin được nuôi cháu H còn cháu Th để anh Q nuôi. Tuy nhiên anh Q không đồng ý và xin nuôi cả hai cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng: chị H và anh Q đều là lao động tự do, có thu nhập, có đủ sức khỏe và các điều kiện khác để chăm sóc và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên xét việc cháu H là con gái vì vậy cần được quan tâm và chăm sóc của người mẹ, cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Còn cháu Th đang ở với anh Q và đang theo học tại trường Tiểu học xã Ph, cháu lại là con trai. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích, sự ổn định, đảm bảo về sự phát triển tâm sinh lý của các cháu nên giao cháu H cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu Th cho anh Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị H. Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 13/10/2011 (hiện đang ở với chị H) cho chị H trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Giao cháu Nguyễn Mạnh Th sinh ngày 06/4/2013 (hiện đang ở với anh Q) cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2018/0000537 ngày 19/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: chị H và anh Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Ph.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hương Quỳnh**